

Câu 1: Cho tập hợp $A = \{8; m; l; n; 5; 2; v; t\}$. Cách viết nào sau đây là đúng.

- A. $\{8; v\} \in A$. B. $18 \in A$. C. $1; 2; 5; 8 \subset A$. D. $\{1; 2; 5; 8; m; n\} \subset A$.

Câu 2: Tập hợp các chữ cái có trong từ TOAN HOC là:

- A. $\{T, O, A, N, H, O, C\}$. B. $\{T, O, A, N\}$.
C. $\{H, O, C\}$. D. $\{T, O, A, N\}$.

Câu 3: Tập hợp các số tự nhiên $\mathbb{N}$ được viết đúng là:

- A. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4; \dots\}$. B. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; 4\}$.
C. $\mathbb{N} = \{0, 1, 2, 3, 4, \dots\}$. D. $\mathbb{N} = \{0, 1, 2, 3, 4\}$.

Câu 4: Số phần tử của tập hợp $A = \{1; 3; 5; 7; 9; \dots; 999\}$ là:

- A. 999. B. 998. C. 500. D. 499.

Câu 5: Số La Mã XIV có giá trị là:

- A. 4. B. 10. C. 14. D. 16.

Câu 6: Số các số tự nhiên có 4 chữ số là:

- A. 8999 số. B. 9000 số. C. 9800 số. D. Một kết quả khác.

Câu 7: Tìm số tự nhiên x , biết: $5x + 3x = 88$

- A. $x = 11$. B. $x = 5$. C. $x = 8$. D. Một kết quả khác.

Câu 8: Kết quả của phép tính $120 - 60 : 5 - 4$ là:

- A. 8. B. 60. C. 104. D. 112.

Câu 9: Một cửa hàng có 7305 mét vải, cửa hàng đã bán đi 2183 mét vải. Số mét vải còn lại của cửa hàng là:

- A. 4122. B. 5122. C. 5022. D. 5222.

Câu 10: Kết quả của phép tính $5^5 \cdot 5^3$ bằng:

- A. 5^8 . B. 5^{15} . C. 25^{15} . D. 10^8 .

Câu 11: Kết quả của phép tính: $3^{15} : 3^5$ bằng:

- A. 1. B. 3^5 . C. 3^{10} . D. 3^3 .

Câu 12: Kết quả của phép tính: $3^4 : 3 + 2^3 : 2^2$ bằng:

- A. 11. B. 83. C. 13. D. 29.

Câu 13: Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là:

- A. $\{\} \rightarrow [] \rightarrow ()$. B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{\}$. C. $\{\} \rightarrow () \rightarrow []$. D. $[] \rightarrow () \rightarrow \{\}$.

Câu 14: Thay x, y bằng những số nào để số $\overline{23xy}$ chia hết cho cả 2, 3, 5 và 9?

- A. $x = 3; y = 0$. B. $x = 4; y = 0$. C. $x = 0; y = 4$. D. $x = 8; y = 5$.

Câu 15: Tập hợp tất cả các ước của 9 là:

- A. $\{0;1;3;9\}$. B. $\{1;3;9\}$. C. $\{1;3;6\}$. D. $\{1;3\}$.

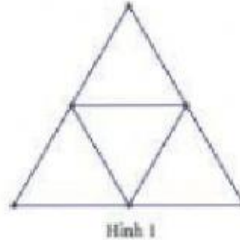
Câu 16: Trong các số sau, số nào chia hết cho cả 3 và 5?

- A. 2010. B. 2015. C. 2022. D. 2020.

Câu 17: Tổng $2020+15$ chia hết cho số nào sau đây?

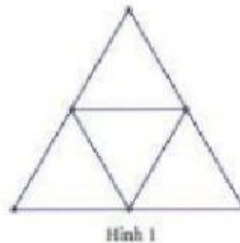
- A. 9. B. 7. C. 5. D. 3.

Câu 18: Số hình tam giác đều trong hình vẽ 1 là:



- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 19: Số hình thoi trong hình vẽ 1 là:



- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 20: Hình vuông có chu vi 20 cm thì diện tích của nó là:

- A. 20 cm^2 . B. 25 cm. C. 25 cm^2 . D. 16 cm^2 .

Câu 21: Một hình chữ nhật có chu vi 24 cm, chiều rộng là 5 cm. Diện tích hình chữ nhật đó là:

- A. 15 cm^2 . B. 25 cm^2 . C. 35 cm^2 . D. 24 cm^2 .

Câu 22: Khẳng định nào sau đây đủ nhất cho câu hỏi: "Hình chữ nhật có."

- A. Có hai cạnh đối song song và bằng nhau.
B. Có hai đường chéo bằng nhau.
C. Có bốn góc ở các đỉnh đều là góc vuông.
D. Tất cả các phương án trên.

Câu 23: Một hình vuông có độ dài cạnh là 10 cm. Chu vi của hình vuông bằng bao nhiêu dm?

- A. 40 cm. B. 100 cm. C. 100 cm^2 . D. 10dm.

Câu 24: Một hình chữ nhật có chiều dài là 2dm, chiều rộng là 8 cm. Chu vi của hình chữ nhật đó là:

- A. 16 cm. B. 32 cm. C. 280 cm. D. 56 cm.

Câu 25: Một hình chữ nhật có diện tích bằng 18 cm^2 ; kích thước một cạnh của hình chữ nhật là 2 m. Kích thước cạnh còn lại của hình chữ nhật đó là:

- A. 45 cm. B. 9 m. C. 7 m. D. 45 cm^2 .

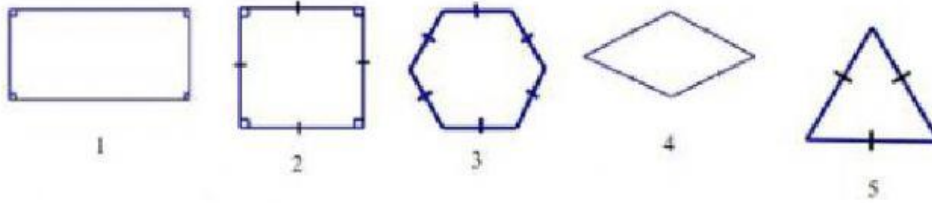
Câu 26: Một hình vuông có diện tích 16 cm^2 . Chu vi của hình vuông là:

- A. 4 cm. B. 8 cm. C. 16 cm. D. 32 cm.

Câu 27: Một hình thoi có diện tích là 40 dm^2 , độ dài một đường chéo là 8dm. Độ dài đường chéo còn lại là:

- A. 5dm. B. 10dm. C. 320dm. D. 160dm.

Câu 28: Cho hình vẽ sau và nối tương ứng với tên gọi của các hình:



- A. Hình tam giác đều. B. Hình vuông. C. Hình lục giác đều. D. Hình chữ nhật E. Hình thoi